

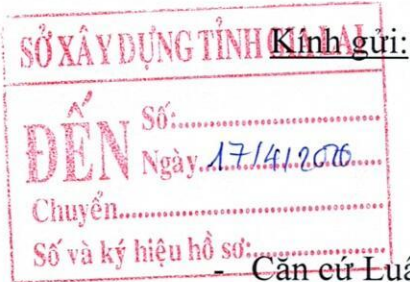
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27/TB-PH

Gia Lai, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**THÔNG BÁO**

Về việc mở bán đợt 5 căn hộ chung cư nhà ở xã hội - Dự án Khu chung cư nhà ở xã hội Khu C Khu đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh (Khu đô thị Đại Phú Gia)



- Kính gửi:
- Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai;
  - UBND phường Quy Nhơn Đông;
  - Người dân có nhu cầu mua căn hộ chung cư nhà ở xã hội.

- Căn cứ Luật Nhà ở năm 2023;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023;
- Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng.

Công ty TNHH Phú Hiệp thông báo mở bán đợt 5 căn hộ chung cư nhà ở xã hội - Dự án Khu chung cư nhà ở xã hội Khu C Khu đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh (Khu đô thị Đại Phú Gia) như sau:

**1. Chủ đầu tư:**

- Công ty TNHH Phú Hiệp.
- Mã số thuế: 4100457421.
- Địa chỉ: 33 – 39 đường Trường Chinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

**2. Tên dự án:**

Khu chung cư nhà ở xã hội Khu C Khu đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh (Khu đô thị Đại Phú Gia).

**3. Vị trí dự án:**

Tại Khu C, Khu đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

**4. Quy mô khu chung cư nhà ở xã hội:**

- 01 block, 12 tầng,
- Tổng số 342 căn hộ, diện tích sử dụng mỗi căn hộ khoảng từ 30 m<sup>2</sup> đến 77 m<sup>2</sup>.
- 17 căn nhà ở thương mại liền kề.

**5. Giá bán bình quân mỗi mét vuông sàn sử dụng căn hộ:**

Đơn giá bán bình quân 1 m<sup>2</sup> sàn sử dụng căn hộ (đã bao gồm thuế VAT 5% và chưa bao gồm phí bảo trì 2%) là: 16.101.974,7 đồng/m<sup>2</sup>.

**6. Quy mô mở bán đợt 5:**

- Tổng số căn hộ chung cư nhà ở xã hội mở bán đợt 5 là: 51 căn, với danh mục như sau:

| Stt            | Mã căn hộ | Diện tích sử dụng<br>(m <sup>2</sup> ) | Đơn giá đồng/1m <sup>2</sup> (Đã<br>bao gồm thuế VAT 5%) |
|----------------|-----------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>TẦNG 2</b>  |           |                                        |                                                          |
| 1              | A-02.07   | 61,46                                  | 16.040.832                                               |
| 2              | A-02.08   | 61,67                                  | 16.040.832                                               |
| 3              | A-02.09   | 61,73                                  | 16.040.832                                               |
| <b>TẦNG 3</b>  |           |                                        |                                                          |
| 1              | A-03.02   | 61,80                                  | 16.012.024                                               |
| 2              | A-03.08   | 61,46                                  | 16.012.024                                               |
| 3              | A-03.12   | 59,97                                  | 16.012.024                                               |
| 4              | A-03.12A  | 61,59                                  | 16.012.024                                               |
| 5              | A-03.16   | 55,50                                  | 16.972.745                                               |
| 6              | A-03.20   | 61,80                                  | 15.211.422                                               |
| 7              | A-03.32   | 61,73                                  | 15.371.543                                               |
| <b>TẦNG 3A</b> |           |                                        |                                                          |
| 1              | A-03A.05  | 60,82                                  | 16.012.024                                               |
| 2              | A-03A.10  | 61,73                                  | 16.012.024                                               |
| 3              | A-03A.12  | 59,97                                  | 16.012.024                                               |
| 4              | A-03A.12A | 61,59                                  | 16.012.024                                               |
| 5              | A-03A.20  | 61,80                                  | 15.211.422                                               |
| 6              | A-03A.25  | 60,81                                  | 16.012.024                                               |
| 7              | A-03A.32  | 61,73                                  | 15.371.543                                               |
| 8              | A-03A.33  | 61,80                                  | 15.371.543                                               |
| <b>TẦNG 5</b>  |           |                                        |                                                          |
| 1              | A-05.10   | 61,73                                  | 16.012.024                                               |
| 2              | A-05.12   | 59,97                                  | 16.012.024                                               |
| 3              | A-05.12A  | 61,59                                  | 16.012.024                                               |
| 4              | A-05.20   | 61,80                                  | 15.211.422                                               |
| 5              | A-05.32   | 61,73                                  | 15.371.543                                               |
| 6              | A-05.33   | 61,80                                  | 15.371.543                                               |
| <b>TẦNG 6</b>  |           |                                        |                                                          |
| 1              | A-06.12   | 59,97                                  | 16.012.024                                               |
| 2              | A-06.12A  | 61,59                                  | 16.012.024                                               |
| 3              | A-06.20   | 61,80                                  | 15,211,422                                               |

|                |          |       |            |
|----------------|----------|-------|------------|
| 4              | A-06.33  | 61,80 | 15,371,543 |
| <b>TẦNG 7</b>  |          |       |            |
| 1              | A-07.12  | 59,97 | 16,012,024 |
| 2              | A-07.12A | 61,59 | 16,012,024 |
| 3              | A-07.20  | 61,80 | 15,211,422 |
| 4              | A-07.32  | 61,73 | 15,371,543 |
| 5              | A-07.33  | 61,80 | 15,371,543 |
| <b>TẦNG 8</b>  |          |       |            |
| 1              | A-08.12  | 59,97 | 16,012,024 |
| 2              | A-08.12A | 61,59 | 16,012,024 |
| 3              | A-08.20  | 61,80 | 15,211,422 |
| <b>TẦNG 9</b>  |          |       |            |
| 1              | A-09.12  | 59,97 | 16,012,024 |
| 2              | A-09.12A | 61,59 | 16,012,024 |
| 3              | A-09.20  | 61,80 | 15,211,422 |
| 4              | A-09.32  | 61,73 | 15,371,543 |
| 5              | A-09.33  | 61,80 | 15,371,543 |
| <b>TẦNG 10</b> |          |       |            |
| 1              | A-10.12  | 59,97 | 16,012,024 |
| 2              | A-10.12A | 61,59 | 16,012,024 |
| 3              | A-10.20  | 61,80 | 15,211,422 |
| 4              | A-10.32  | 61,73 | 15,371,543 |
| 5              | A-10.33  | 61,80 | 15,371,543 |
| <b>TẦNG 11</b> |          |       |            |
| 1              | A-11.12  | 59,97 | 16,012,024 |
| 2              | A-11.12A | 61,59 | 16,012,024 |
| 3              | A-11.32  | 61,73 | 15,371,543 |
| 4              | A-11.33  | 61,80 | 15,371,543 |
| <b>TẦNG 12</b> |          |       |            |
| 1              | A-12.12  | 59,97 | 15,219,823 |

Đơn giá bán cho 1 m<sup>2</sup> sàn sử dụng căn hộ (đã bao gồm thuế VAT 5% và chưa bao gồm phí bảo trì 2%).

**7. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:**

- Từ ngày 17/4/2026 đến hết ngày 17/5/2026.

- Thời gian làm việc: 08h30 – 11h00 và 14h00 – 16h30 vào các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu (trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ).

**8. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:**

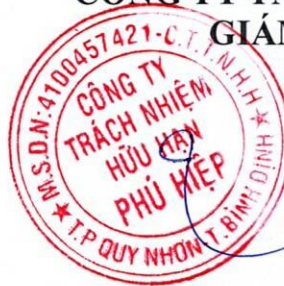
- Văn phòng bán hàng Dự án của Công ty TNHH Phú Hiệp.
- Địa chỉ tiếp nhận: 33 – 39 đường Trường Chinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- Người liên hệ:
  - Nguyễn Thị Như Hoa – 0914242642, 02563813131.
  - Thân Văn Vĩ – 0906209319.

Thông báo đăng tải công khai thông tin mở bán căn hộ chung cư nhà ở xã hội đợt 5 này được gửi đến các cơ quan liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Quy Nhơn Đông;
- Lưu Công ty.

**CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY TNHH PHÚ HIỆP  
GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Liên*

